

**UBND XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/QĐ-TrTH

Thanh Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2025
của trường tiểu học Thanh Yên.**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định giao bổ sung dự toán ngân sách số 754/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Thanh Yên;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính kế toán trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán giao bổ sung ngân sách năm 2025 của trường tiểu học Thanh Yên (Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài chính nhà trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KTXH xã;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đào Thị Thu Hường

Đơn vị: Trường tiểu học Thanh Yên
Chương: 822

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 08/QĐ- TrTH ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường tiểu học Thanh Yên)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VNĐ



Số TT		Nội dung	Dự toán được giao	
A *		Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I		Số thu phí, lệ phí		
II		Chi từ nguồn thu phí được để lại		
III		Số phí, lệ phí nộp NSNN		
B		Dự toán chi ngân sách nhà nước	117.921.000	
I		Nguồn ngân sách trong nước	117.921.000	
1		Chi quản lý hành chính		
2		Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
3		Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	117.921.000	
3.1		Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.425.000	
3.2		Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	98.496.000	
4		Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5		Chi bảo đảm xã hội		
6		Chi hoạt động kinh tế		
7		Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8		Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
9		Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10		Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
II		Nguồn vốn viện trợ		
III		Nguồn vay nợ nước ngoài		